

Số: 211-21/QĐ-DSG-ĐT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 09 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc xác định điểm chuẩn trúng tuyển đại học hệ chính quy tập trung**  
**Đợt 12 (13/09/2021 ÷ 17/09/2021)**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Căn cứ Quyết định số 57/2004/QĐ-TTg ngày 06/04/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg ngày 16/03/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ Tp. Hồ Chí Minh thành Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 4488/QĐ-BGDĐT ngày 19/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Thông tư số 16/2021/TT-BGDĐT ngày 01/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ đề án tuyển sinh năm 2021 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;

Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển sinh,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1. Điểm chuẩn Phương thức 01**

1.1 Xác định điểm chuẩn trúng tuyển đại học hệ chính quy tập trung đối với Phương thức 01: Xét tuyển bằng học bạ THPT lấy điểm 3 học kỳ - Đợt 12 (13/09/2021 ÷ 17/09/2021).

Các ngành đào tạo	Mã ngành	Điểm chuẩn
Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	≥ 18,0 điểm
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	≥ 18,0 điểm
Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông	7510302	≥ 18,0 điểm
Công nghệ thông tin	7480201	≥ 19,0 điểm
Công nghệ thực phẩm	7540101	≥ 18,0 điểm
Quản trị kinh doanh	7340101	≥ 18,0 điểm
Kỹ thuật xây dựng	7580201	≥ 18,0 điểm
Thiết kế công nghiệp	7210402	≥ 18,0 điểm

1.2 Điểm chuẩn áp dụng cho đối tượng học sinh phổ thông thuộc khu vực 3. Mỗi khu vực ưu tiên cách nhau 0,25 điểm; mỗi nhóm đối tượng ưu tiên cách nhau 1,00 điểm.

## **Điều 2. Điểm chuẩn Phương thức 02**

2.1 Xác định điểm chuẩn trúng tuyển đại học hệ chính quy tập trung đối với Phương thức 02: Xét tuyển bằng học bạ THPT lấy điểm 5 học kỳ - Đợt 12 (13/09/2021 ÷ 17/09/2021).

<b>Các ngành đào tạo</b>	<b>Mã ngành</b>	<b>Điểm chuẩn</b>
Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	≥ 18,0 điểm
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	≥ 18,0 điểm
Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông	7510302	≥ 18,0 điểm
Công nghệ thông tin	7480201	≥ 19,0 điểm
Công nghệ thực phẩm	7540101	≥ 18,0 điểm
Quản trị kinh doanh	7340101	≥ 18,0 điểm
Kỹ thuật xây dựng	7580201	≥ 18,0 điểm
Thiết kế công nghiệp	7210402	≥ 18,0 điểm

2.2 Điểm chuẩn áp dụng cho đối tượng học sinh phổ thông thuộc khu vực 3. Mỗi khu vực ưu tiên cách nhau 0,25 điểm; mỗi nhóm đối tượng ưu tiên cách nhau 1,00 điểm.

## **Điều 3. Điểm chuẩn Phương thức 03**

3.1 Xác định điểm chuẩn trúng tuyển đại học hệ chính quy tập trung đối với Phương thức 03: Xét tuyển bằng học bạ lớp 12 THPT lấy điểm trung bình cuối năm lớp 12 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển - Đợt 12 (13/09/2021 ÷ 17/09/2021).

<b>Các ngành đào tạo</b>	<b>Mã ngành</b>	<b>Các tổ hợp xét tuyển</b>	<b>Điểm chuẩn</b>
Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	Toán + Văn + Ngoại ngữ	≥ 18,0 điểm
		Toán + Lý + Ngoại ngữ	
		Toán + Hóa + Ngoại ngữ	
		Toán + Lý + Hóa	
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Toán + Văn + Ngoại ngữ	≥ 18,0 điểm
		Toán + Lý + Ngoại ngữ	
		Toán + Hóa + Ngoại ngữ	
		Toán + Lý + Hóa	
Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông	7510302	Toán + Văn + Ngoại ngữ	≥ 18,0 điểm
		Toán + Lý + Ngoại ngữ	
		Toán + Hóa + Ngoại ngữ	
		Toán + Lý + Hóa	
Công nghệ thông tin	7480201	Toán + Văn + Ngoại ngữ	≥ 19,0 điểm
		Toán + Lý + Ngoại ngữ	
		Toán + Văn + Lý	
		Toán + Lý + Hóa	
Công nghệ thực phẩm	7540101	Toán + Hóa + Ngoại ngữ	≥ 18,0 điểm
		Toán + Sinh + Ngoại ngữ	
		Toán + Hóa + Sinh	
		Toán + Lý + Hóa	
Quản trị kinh doanh	7340101	Toán + Văn + Ngoại ngữ	≥ 18,0 điểm
		Toán + Lý + Ngoại ngữ	
		Văn + Sử + Ngoại ngữ	
		Toán + Lý + Hóa	

Các ngành đào tạo	Mã ngành	Các tổ hợp xét tuyển	Điểm chuẩn
Kỹ thuật xây dựng	7580201	Toán + Văn + Ngoại ngữ	≥ 18,0 điểm
		Toán + Lý + Ngoại ngữ	
		Toán + Hóa + Ngoại ngữ	
		Toán + Lý + Hóa	
Thiết kế công nghiệp	7210402	Toán + Văn + Ngoại ngữ	≥ 18,0 điểm
		Toán + Lý + Ngoại ngữ	
		Toán + Lý + Hóa	
		Văn + Lý + Ngoại ngữ	

3.2 Điểm chuẩn áp dụng cho đối tượng học sinh phổ thông thuộc khu vực 3. Mỗi khu vực ưu tiên cách nhau 0,25 điểm; mỗi nhóm đối tượng ưu tiên cách nhau 1,00 điểm.

#### Điều 4. Điểm chuẩn Phương thức 04

4.1 Xác định điểm chuẩn trúng tuyển đại học hệ chính quy tập trung đối với Phương thức 04: Xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 lấy tổng điểm của 03 bài thi/môn thi thành phần trong tổ hợp xét tuyển - Đợt 12 (13/09/2021 ÷ 17/09/2021).

Các ngành đào tạo	Mã ngành	Các tổ hợp xét tuyển	Điểm chuẩn
Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	Toán + Văn + Ngoại ngữ	≥ 15,0 điểm
		Toán + Lý + Ngoại ngữ	
		Toán + Khoa học tự nhiên + Ngoại ngữ	
		Toán + Lý + Hóa	
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Toán + Văn + Ngoại ngữ	≥ 15,0 điểm
		Toán + Lý + Ngoại ngữ	
		Toán + Khoa học tự nhiên + Ngoại ngữ	
		Toán + Lý + Hóa	
Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông	7510302	Toán + Văn + Ngoại ngữ	≥ 15,0 điểm
		Toán + Lý + Ngoại ngữ	
		Toán + Khoa học tự nhiên + Ngoại ngữ	
		Toán + Lý + Hóa	
Công nghệ thông tin	7480201	Toán + Văn + Ngoại ngữ	≥ 17,0 điểm
		Toán + Lý + Ngoại ngữ	
		Toán + Văn + Lý	
		Toán + Lý + Hóa	
Công nghệ thực phẩm	7540101	Toán + Văn + Ngoại ngữ	≥ 15,0 điểm
		Toán + Sinh + Ngoại ngữ	
		Toán + Hóa + Sinh	
		Toán + Lý + Hóa	
Quản trị kinh doanh	7340101	Toán + Văn + Ngoại ngữ	≥ 15,0 điểm
		Toán + Lý + Ngoại ngữ	
		Văn + Khoa học xã hội + Ngoại ngữ	
		Toán + Lý + Hóa	

Các ngành đào tạo	Mã ngành	Các tổ hợp xét tuyển	Điểm chuẩn
Kỹ thuật xây dựng	7580201	Toán + Văn + Ngoại ngữ	≥ 15,0 điểm
		Toán + Lý + Ngoại ngữ	
		Toán + Khoa học tự nhiên + Ngoại ngữ	
		Toán + Lý + Hóa	
Thiết kế công nghiệp	7210402	Toán + Văn + Ngoại ngữ	≥ 15,0 điểm
		Toán + Lý + Ngoại ngữ	
		Văn + Khoa học xã hội + Ngoại ngữ	
		Văn + Khoa học tự nhiên + Ngoại ngữ	

4.2 Điểm chuẩn áp dụng cho đối tượng học sinh phổ thông thuộc khu vực 3. Mỗi khu vực ưu tiên cách nhau 0,25 điểm; mỗi nhóm đối tượng ưu tiên cách nhau 1,00 điểm.

### **Điều 5. Điểm chuẩn Phương thức 05**

5.1 Xác định điểm chuẩn trúng tuyển đại học hệ chính quy tập trung đối với Phương thức 05: Xét tuyển bằng kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức năm 2021 - Đợt 12 (13/09/2021 ÷ 17/09/2021).

Các ngành đào tạo	Mã ngành	Điểm chuẩn
Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	≥ 550 điểm
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	≥ 550 điểm
Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông	7510302	≥ 550 điểm
Công nghệ thông tin	7480201	≥ 600 điểm
Công nghệ thực phẩm	7540101	≥ 600 điểm
Quản trị kinh doanh	7340101	≥ 600 điểm
Kỹ thuật xây dựng	7580201	≥ 550 điểm
Thiết kế công nghiệp	7210402	≥ 550 điểm

5.2 Điểm chuẩn áp dụng cho đối tượng học sinh phổ thông thuộc khu vực 3. Mỗi khu vực ưu tiên cách nhau 10 điểm; mỗi nhóm đối tượng ưu tiên cách nhau 40 điểm.

**Điều 6.** Thành viên Hội đồng tuyển sinh, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 6;
- Lưu: PĐT, HV (4).

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

**PGS, TS. Cao Hào Thi**